

Số: 264 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất
để cung cấp nước sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
~~Căn cứ~~ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 8 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ
ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16
tháng 01 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng kết cấu hạ tầng
đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện
đại vào năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất
để cung cấp nước sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước (sau đây
gọi tắt là Chương trình), bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Tên Chương trình: Điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp
nước sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.

2. Cơ quan quản lý Chương trình: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Mục tiêu của Chương trình:

a) Mục tiêu tổng quát: Tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi
cao, vùng khan hiếm nước để cung cấp nước sinh hoạt, tạo điều kiện nâng cao
đời sống nhân dân, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tìm kiếm các nguồn nước dưới đất có trữ lượng, chất lượng phù hợp,
đáp ứng yêu cầu cung cấp nước phục vụ sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng
khan hiếm nước.

- Xây dựng một số mô hình công trình cấp nước đặc trưng phù hợp với
điều kiện ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước, đảm bảo cung cấp nước
sinh hoạt bền vững, an toàn cho nhân dân.

4. Phạm vi chương trình: Chương trình thực hiện tại các vùng núi cao,

vùng khan hiếm nước trên địa bàn 44 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, dự kiến số vùng được điều tra, đánh giá là 1.333 vùng (số vùng được xác định cụ thể trên cơ sở đánh giá kết quả các đề tài, dự án điều tra đã thực hiện và nhu cầu thực tế do địa phương đề xuất) gồm:

a) Khu vực Bắc Bộ (16 tỉnh): Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang, Ninh Bình, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La.

b) Khu vực Bắc Trung Bộ (4 tỉnh): Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị.

c) Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (12 tỉnh, thành phố): Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông.

d) Khu vực Nam Bộ (12 tỉnh): An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Đồng Tháp, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tây Ninh, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Phước.

5. Các dự án thành phần của Chương trình:

a) Dự án 1: Điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.

- Mục tiêu: Lập bản đồ tài nguyên nước dưới đất; đánh giá số lượng và chất lượng các nguồn nước dưới đất có trữ lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu cung cấp nước sinh hoạt.

- Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu: Thu thập, tổng hợp tài liệu; điều tra, tìm kiếm, phát hiện các khu vực có triển vọng cung cấp nguồn nước dưới đất ở các vùng được lựa chọn; đánh giá trữ lượng, chất lượng, tính toán lượng nước dưới đất có thể khai thác cho từng khu vực, công trình; xác định khu vực có triển vọng, hành lang, tuyến, vị trí xây dựng công trình khai thác nước dưới đất; tổng hợp kết quả điều tra.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương.

b) Dự án 2: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý và cấp nước sạch thích ứng với điều kiện vùng núi cao, vùng khan hiếm nước;

- Mục tiêu: Xác định giải pháp công nghệ và mô hình xử lý và cấp nước sạch phù hợp, có tính khả thi để áp dụng tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.

- Nội dung: Nghiên cứu lựa chọn các mô hình cấp nước, công nghệ và giải pháp kỹ thuật để khai thác nguồn nước dưới đất trong các hang động karst trên các vùng núi đá vôi; khai thác nước dưới đất trong các cấu trúc chứa nước trong các trầm tích lục nguyên, ba zan và Đệ tứ; khai thác nước trong các thấu kính nước nhạt vùng ven biển; công nghệ và giải pháp kỹ thuật để tăng năng suất khai thác của các giếng khoan có lưu lượng thấp; công nghệ, giải pháp kỹ thuật xử lý nước bị ô nhiễm.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo và tổ chức thực hiện (sử dụng nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học).

c) Dự án 3: Xây dựng thí điểm hệ thống cấp nước tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước đặc trưng.

- Mục tiêu: Xây dựng thí điểm hệ thống cấp nước phù hợp với đặc điểm nguồn nước, tập quán sử dụng nước trên cơ sở kết quả điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.

- Nội dung: Xây dựng công trình cấp nước điểm tại các vùng đặc trưng giai đoạn 1; chỉ đạo xây dựng công trình cấp nước tại các vùng có đủ điều kiện về trữ lượng, chất lượng nhằm khai thác bền vững lâu dài, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn; đào tạo, chuyển giao nâng cao năng lực vận hành và quản lý nguồn nước, công trình cấp nước.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Dân tộc, các địa phương và cơ quan liên quan.

6. Thời gian thực hiện: Từ năm 2015 đến năm 2020.

a) Giai đoạn 1 (từ năm 2015 đến năm 2017):

- Thực hiện điều tra, tìm kiếm xác định trữ lượng, chất lượng nguồn nước dưới đất tại các vùng có nhu cầu cấp bách nhất về nguồn nước tại các tỉnh miền núi Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

- Thực hiện công tác nghiên cứu, lựa chọn mô hình cấp nước, công nghệ và giải pháp kỹ thuật để khai thác nguồn nước đảm bảo cấp nước bền vững.

- Thực hiện khai dẫn các nguồn nước có trữ lượng và chất lượng đảm bảo, xây dựng công trình cấp nước phục vụ cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.

b) Giai đoạn 2 (từ năm 2018 đến năm 2020): Thực hiện điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất các vùng còn lại, thực hiện khai dẫn các nguồn nước có trữ lượng và chất lượng đảm bảo, xây dựng công trình cấp nước bền vững phục vụ cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.

7. Kinh phí thực hiện Chương trình:

Căn cứ nhiệm vụ của từng dự án cụ thể và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, các cơ quan chủ trì dự án lập, phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí thực hiện hàng năm, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, thống nhất với các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ (tùy theo tính chất nguồn vốn) để bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, địa phương thực hiện dự án.

8. Tổ chức thực hiện:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ và các địa phương liên quan chỉ đạo, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về hiệu quả Chương trình;

- Tiếp thu ý kiến các Bộ, cơ quan liên quan, căn cứ khối lượng công việc cần triển khai, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá và chế độ tài chính hiện hành

hoàn chỉnh nội dung, khối lượng, dự toán kinh phí thực hiện Chương trình đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tổng hợp nội dung chi tiết, nhu cầu kinh phí hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính làm căn cứ bố trí kinh phí thực hiện;

- Tổ chức đánh giá, nghiệm thu và chuyển giao kết quả sau khi hoàn thành từng giai đoạn, làm cơ sở quyết định việc triển khai các giai đoạn tiếp theo bảo đảm khả thi và hiệu quả thực tế của Chương trình;

- Tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Chương trình.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt kế hoạch, nội dung, kinh phí thực hiện dự án “Xây dựng thí điểm hệ thống cấp nước tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước đặc trưng” gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp vào kế hoạch chung của Chương trình.

- Chỉ đạo thực hiện nhân rộng các mô hình cấp nước hiệu quả thông qua lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh nông thôn.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong xử lý và cấp nước sạch thích ứng với điều kiện vùng núi cao, vùng khan hiếm nước.

d) Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các Dự án thuộc Chương trình theo đúng quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành

Điều 3. Các Bộ trưởng: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc phạm vi chương trình (tại khoản 4 Điều 1) và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, KGVX, V.III;
- Lưu: VT, KTN (3). **96**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 298/ SY-UBND

Bình Định, ngày 11 tháng 3 năm 2015

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- K4;
- Lưu: VT (04).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi